TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2021.
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hồng**;

2. Ông **Trương Phước Công.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Tường Vi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh A G.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh A G***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 728/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 575/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 607/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn G, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp M H, xã M H Đ, huyện C M, tỉnh A G (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp M H, xã M H Đ, huyện C M, tỉnh A G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn G trình bày: Anh và chị L do mai mối và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2007, đến năm 2015 vợ chồng mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M H Đ, huyện C M, tỉnh A G. Anh chị sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân do chị L không lo làm ăn, chỉ biết chơi

số, anh có khuyên nhưng chị L không sửa đổi, đến tháng 10 năm 2019 chị L tự ý bỏ nhà lên Thành Phố cho đến nay, anh vẫn không liên lạc được. Nay nhận thấy tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Như Q, sinh ngày 19/11/2007, Lê Thị Khánh B, sinh ngày 02/8/2011. Hiện nay cháu Như Q sống chung với anh G, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Như Q, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Cháu Khánh B sống chung với chị L, khi ly hôn anh đồng ý để chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khánh B, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Lê Văn G xác định không có.

- Về nợ chung: Anh Lê Văn G xác định không có.

Chị Nguyễn Thị L đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị vắng mặt, cũng như không tham gia các phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Anh Lê Văn G khởi kiện chị Nguyễn Thị L cư trú ấp M H, xã M H Đ, huyện C M, tỉnh A G, Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị L đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị L.

[2]. *Về hôn nhân:* Anh G và chị L sống chung với nhau vào năm 2007, đến năm 2015 anh chị mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M H Đ, huyện C M, tỉnh A G nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Trong cuộc sống chị L không lo làm ăn, chỉ biết chơi số, anh G có khuyên nhưng chị L không sửa đổi. Anh và chị L không còn sống chung từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa anh G, chị L không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh G yêu cầu ly hôn với L, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình " Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn…." Tại phiên tòa, anh G xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh G là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh G.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Như Q, sinh ngày 19/11/2007, Lê Thị Khánh B, sinh ngày 02/8/2011. Hiện nay cháu Như Q sống chung với anh G, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Như Q. Cháu Khánh B sống chung với chị L, khi ly hôn anh đồng ý để chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khánh B. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu Như Q sống ổn định với anh G vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, chị L cũng không có ý kiến phản đối. Trong quá trình làm việc Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của cháu Như Q thì cháu có nguyện vọng sống với anh G, chị L cũng không có ý kiến phản đối. Tại phiên tòa anh G cũng đồng ý để chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Khánh B. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Như Q cho anh G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Khánh B cho chị L tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình " Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại phiên tòa, anh Lê Văn G không yêu cầu chị Nguyễn Thị L cấp dưỡng nuôi con, chị L cũng không có ý kiến phản đối, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung:* Anh Lê Văn G xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung:* Anh Lê Văn G xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận anh G xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh G và chị L trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Lê Văn G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn G.

- Về hôn nhân: Anh Lê Văn G được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 248/2012 quyển số 02 ngày 15/9/2015 của Ủy ban nhân xã M H Đ, huyện C M, tỉnh A G không còn giá trị pháp Lý.

- Về con chung: Anh Lê Văn G được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thị Như Q, sinh ngày 19/11/2007. Chị Nguyễn Thị L được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thị Khánh B, sinh ngày 02/8/2011. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn G, chị Nguyễn Thị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh chị trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Anh Lê Văn G xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh Lê Văn G xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận anh G xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh G và chị L thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Anh Lê Văn G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008993 ngày 13.10.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh A G. Anh Lê Văn G không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh A G;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- UBND xã M H Đ, huyện C M; tỉnh A G.
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn